

**Biểu 01/KHCN-TC**

Ban hành kèm theo Thông tư số  
15/2018/TT-BKHCN ngày 15 tháng 11  
năm 2018

Ngày nhận báo cáo: Ngày 15/02 năm sau

**SỐ TỔ CHỨC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

(Có đến ngày 31/12 năm 2019)

- Đơn vị báo cáo:

Sở Y tế Quảng Ngãi

- Đơn vị nhận báo cáo:

Cục Thông tin KH&CN quốc gia

*Đơn vị tính: Tổ chức*

	Mã số	Tổng số	Chia theo loại hình kinh tế			
			Nhà nước		Ngoài nhà nước	Có vốn đầu tư nước ngoài
			Trung ương	Địa phương		
A	B	1	2	3	4	5
<b>1. Tổng số</b> <i>trong đó:</i>	01					
<b>1.1. Chia theo thẩm quyền thành lập</b>						
- Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội	02					
- Chính phủ	03					
- Tòa án nhân dân tối cao	04					
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao	05					
- Thủ tướng Chính phủ	06					
- Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ	07					
- Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	08	02		02		
- Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị-xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội-ngành nghề nghiệp	09					
- Doanh nghiệp, tổ chức khác, cá nhân	10					

<b>1.2. Chia theo loại hình tổ chức</b>						
- Tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ	11					
- Cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng:	12					
+ Trường đại học	13					
+ Học viện	14					
+ Đại học quốc gia, đại học vùng	15					
+ Viện nghiên cứu khoa học được phép đào tạo trình độ tiến sĩ	16					
+ Trường cao đẳng	17	01		01		
- Tổ chức dịch vụ KH&CN:	18					
+DV thông tin, thư viện	19					
+DV bảo tàng KH&CN	20					
+DV dịch thuật, biên tập, xuất bản KH&CN	21					
+DV điều tra cơ bản định kỳ, thường xuyên	22					
+DV thống kê, điều tra xã hội	23					
+DV tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, chất lượng sản phẩm, hàng hóa	24					
+DV tư vấn về KH&CN	25					
+DV sở hữu trí tuệ	26					
+DV năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ hạt nhân	27					
+DV chuyển giao công nghệ	28					
+DV KH&CN khác	29					
<b>1.3. Lĩnh vực khoa học và công nghệ</b>						
- Khoa học tự nhiên	30					

- Khoa học kỹ thuật và công nghệ	31					
- Khoa học y, dược	32	02		02		
- Khoa học nông nghiệp	33					
- Khoa học xã hội	34					
- Khoa học nhân văn	35					

**Người lập biểu**  
(ký, ghi rõ họ tên)

**Người kiểm tra biểu**  
(ký, ghi rõ họ tên)

*Quảng Ngãi, ngày 19 tháng 3 năm 2020*

**Thủ trưởng đơn vị**  
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

**Nguyễn Thị Xuân Duyên**

**Phạm Văn Túc**

**Phạm Minh Đức**

**Biểu 02/KHCN-NL**

Ban hành kèm theo Thông tư số 15  
/2018/TT-BKHCN ngày 15 tháng 11  
năm 2018

Ngày nhận báo cáo: Ngày 15/02 năm sau

**SỐ NGƯỜI TRONG CÁC TỔ CHỨC  
KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**  
(Có đến ngày 31/12 năm 2019)

- Đơn vị báo cáo:

Sở Y tế Quảng Ngãi

- Đơn vị nhận báo cáo:

Cục Thông tin KH&CN quốc gia

*Đơn vị tính: Người*

	Mã số	Tổng số	Chia theo trình độ chuyên môn					Chức danh	
			Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	Cao đẳng	Khác	Giáo sư	Phó Giáo sư
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
<b>1. Tổng số</b>	01	<b>195</b>	<b>03</b>	<b>43</b>	<b>83</b>	<b>14</b>	<b>52</b>		
<i>Trong đó: Nữ</i>	02	96	0	17	41	14	24		
<b>2. Chia theo loại hình tổ chức</b>									
- Tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ	03	167	03	32	71	14	47		
Trong đó: + Nữ	04	83	0	12	36	14	21		
+ Dân tộc thiểu số	05								
- Cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng	06	28	0	11	12	0	05		
Trong đó: + Nữ	07	13	0	05	05	0	03		
+ Dân tộc thiểu số	08	0	0	0	0	0	0		
- Tổ chức dịch vụ KH&CN	09								
Trong đó: + Nữ	10								
+ Dân tộc thiểu số	11								
<b>3. Chia theo quốc tịch</b>									
- Người Việt Nam	12	195	03	43	83	14	52		

+ Dân tộc Kinh	13	195	03	43	83	14	52		
+ Dân tộc thiểu số	14								
- Người nước ngoài	15								
<b>4. Chia theo lĩnh vực đào tạo</b>									
- Khoa học tự nhiên	16								
- Khoa học kỹ thuật và công nghệ	17								
- Khoa học y, dược	18	195	03	43	83	14	52		
- Khoa học nông nghiệp	19								
- Khoa học xã hội	20								
- Khoa học nhân văn	21								
- Khác	22								
<b>5. Chia theo độ tuổi</b>									
- Đến 35 tuổi	23								
- Từ 36-55 tuổi	24								
- Từ 56-60 tuổi	25								
- Từ 61-65 tuổi	26								
- Trên 65 tuổi	27								

**Người lập biểu**  
(ký, ghi rõ họ tên)

**Người kiểm tra biểu**  
(ký, ghi rõ họ tên)

Quảng Ngãi, ngày 19 tháng 3 năm 2020  
**Thủ trưởng đơn vị**  
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

**Nguyễn Thị Xuân Duyên**

**Phạm Văn Túc**

**Phạm Minh Đức**

**Biểu 03/KHCN-CP**

Ban hành kèm theo Thông tư số 15/2018/TT-BKHCN ngày 15 tháng 11 năm 2018

Ngày nhận báo cáo: Ngày 15/02 năm sau

**CHI CHO KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

(Từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 năm 2019)

- Đơn vị báo cáo:

Sở Y tế Quảng Ngãi

- Đơn vị nhận báo cáo:

Cục Thông tin KH&amp;CN quốc gia

Đơn vị tính: Triệu đồng

	Mã số	Tổng số	Chia theo nguồn cấp kinh phí			
			Ngân sách nhà nước		Nguồn trong nước ngoài NSNN	Nguồn Nước ngoài
			Trung ương	Địa phương		
A	B	1	2	3	4	5
<b>Tổng chi, trong đó:</b>	01	<b>1.105</b>		<b>881</b>	<b>224</b>	
<b>1. Chi đầu tư phát triển KH&amp;CN</b>	02					
<b>2. Chi sự nghiệp KH&amp;CN</b>	03					
<i>2.1. Chi thực hiện nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng</i>	04					
<i>2.2. Chi thực hiện nhiệm vụ KH&amp;CN</i>	05					
<i>Trong đó:</i> - Cấp quốc gia	06					
- Cấp bộ	07					
- Cấp tỉnh	08					
- Cấp cơ sở	09	1.105		881	224	
<i>2.3. Chi sự nghiệp KH&amp;CN khác</i>	10					
<b>3. Chi khác cho KH&amp;CN</b>	11					

**Người lập biểu**  
(ký, ghi rõ họ tên)

**Người kiểm tra biểu**  
(ký, ghi rõ họ tên)

Quảng Ngãi, ngày 19 tháng 3 năm 2020

**Thủ trưởng đơn vị**  
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

**Nguyễn Thị Xuân Duyên**

**Phạm Văn Túc**

**Phạm Minh Đức**

**Biểu 04/KHCN-NV**

Ban hành kèm theo Thông tư số 15/2018/TT-

BKHCN ngày 15 tháng 11 năm 2018

Ngày nhận báo cáo: Ngày 15/02 năm sau

**NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

(Từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 năm 2019)

- Đơn vị báo cáo:

Sở Y tế Quảng Ngãi

- Đơn vị nhận báo cáo:

Cục Thông tin KH&amp;CN quốc gia

*Đơn vị tính: Nhiệm vụ*

	Mã số	Tổng số	Trong đó: Số nhiệm vụ KH&CN chủ nhiệm là nữ	Tình trạng tiến hành			
				Số đang tiến hành		Số được nghiệm thu	Số đã đưa vào ứng dụng
				Số phê duyệt mới trong năm	Số chuyển tiếp từ năm trước		
A	B	1	2	3	4	5	6
<b>1. Tổng số nhiệm vụ KH&amp;CN</b>	01	<b>24</b>	<b>11</b>	<b>24</b>	<b>0</b>	<b>23</b>	<b>23</b>
<i>Trong đó:</i> - Số đề tài/đề án KH&CN	02	24	11	24	0	23	23
- Số dự án KH&CN	03						
<b>2. Chia theo cấp quản lý</b>							
- Cấp quốc gia	04						
- Cấp bộ	05						
- Cấp tỉnh	06						
- Cấp cơ sở	07	24	11	24	0	23	23
<b>3. Chia theo lĩnh vực nghiên cứu</b>							
- Khoa học tự nhiên	09						
- Khoa học kỹ thuật và công nghệ	10						
- Khoa học y, dược	11	24	11	24	0	23	23
- Khoa học nông nghiệp	12						
- Khoa học xã hội	13						
- Khoa học nhân văn	14						
<b>4. Chia theo mục tiêu kinh tế-</b>							

<b>xã hội</b>							
- Thăm dò, nghiên cứu và khai thác trái đất, khí quyển	15						
- Phát triển cơ sở hạ tầng và quy hoạch sử dụng đất	16						
- Phát triển sản xuất và công nghệ nông nghiệp	17						
- Phát triển sản xuất và công nghệ công nghiệp	18						
- Phát triển, phân phối và sử dụng hợp lý năng lượng	19						
- Phát triển y tế và bảo vệ sức khoẻ con người	20	24	11	24	0	23	23
- Phát triển giáo dục và đào tạo	21						
- Phát triển và bảo vệ môi trường	22						
- Phát triển xã hội và dịch vụ	23						
- Thăm dò, nghiên cứu và khai thác vũ trụ	24						
- Nghiên cứu do các trường đại học cấp kinh phí	25						
- Nghiên cứu không định hướng ứng dụng	26						
- Nghiên cứu dân sự khác	27						
- Bảo đảm an ninh, quốc phòng	28						

**Người lập biểu**

(ký, ghi rõ họ tên)

**Người kiểm tra biểu**

(ký, ghi rõ họ tên)

Quảng Ngãi, ngày 19 tháng 3 năm 2020

**Thủ trưởng đơn vị**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

**Nguyễn Thị Xuân Duyên**

**Phạm Văn Túc**

**Phạm Minh Đức**



**Biểu 05/KHCN-HTQT**

Ban hành kèm theo Thông tư số 15/2018/TT-  
BKHCN ngày 15 tháng 11 năm 2018  
Ngày nhận báo cáo: Ngày 15/02 năm sau

**HỢP TÁC QUỐC TẾ VỀ KHOA HỌC  
VÀ CÔNG NGHỆ**

(Từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 năm 2019)

- Đơn vị báo cáo:

Sở Y tế Quảng Ngãi

- Đơn vị nhận báo cáo:

Cục Thông tin KH&CN quốc gia

	Mã số	Đơn vị tính	Tổng số	Tổng kinh phí (triệu đồng)
A	B	C	1	2
<b>1. Số nhiệm vụ hợp tác quốc tế về KH&amp;CN</b>	01	<i>Nhiệm vụ</i>		<b>0</b>
<b>1.1. Chia theo lĩnh vực nghiên cứu</b>				
- Khoa học tự nhiên	02	<i>Nhiệm vụ</i>		
- Khoa học kỹ thuật và công nghệ	03	<i>Nhiệm vụ</i>		
- Khoa học y, dược	04	<i>Nhiệm vụ</i>	0	
- Khoa học nông nghiệp	05	<i>Nhiệm vụ</i>		
- Khoa học xã hội	06	<i>Nhiệm vụ</i>		
- Khoa học nhân văn	07	<i>Nhiệm vụ</i>		
<b>1.2. Chia theo hình thức hợp tác</b>				
- Đa phương	08	<i>Nhiệm vụ</i>	0	
- Song phương	09	<i>Nhiệm vụ</i>	0	
<b>1.3. Chia theo đối tác quốc tế</b>				
- Nước/tổ chức ...	10	<i>Nhiệm vụ</i>		
- Nước/tổ chức ...	11	<i>Nhiệm vụ</i>		
<b>1.4. Chia theo nguồn cấp kinh phí</b>				
- Trong nước	12	<i>Triệu đồng</i>	X	
- Nước ngoài	13	<i>Triệu đồng</i>	X	
<b>1.5. Chia theo cấp quản lý</b>				
- Cấp quốc gia	15	<i>Nhiệm vụ</i>		
- Cấp bộ	16	<i>Nhiệm vụ</i>		
- Cấp tỉnh	17	<i>Nhiệm vụ</i>		

- Cấp cơ sở	18	Nhiệm vụ		
<b>2. Số điều ước, thỏa thuận quốc tế về KH&amp;CN được ký kết</b>	19	Điều ước/thỏa thuận		<b>0</b>
<b>2.1. Chia theo lĩnh vực nghiên cứu</b>				
- Khoa học tự nhiên	20	Điều ước/thỏa thuận		
- Khoa học kỹ thuật và công nghệ	21	Điều ước/thỏa thuận		
- Khoa học y, dược	22	Điều ước/thỏa thuận		
- Khoa học nông nghiệp	23	Điều ước/thỏa thuận		
- Khoa học xã hội	24	Điều ước/thỏa thuận		
- Khoa học nhân văn	25	Điều ước/thỏa thuận		
<b>2.2. Chia theo đối tác quốc tế</b>				
- Nước/tổ chức ...	26	Điều ước/thỏa thuận		
- Nước/tổ chức ...	27	Điều ước/thỏa thuận		
<b>3. Số đoàn ra về KH&amp;CN</b>	28	Đoàn		<b>0</b>
<b>3.1. Chia theo nước đến nghiên cứu</b>				
- ...	29	Đoàn		X
- ...	30	Đoàn		X
<b>3.2. Chia theo nguồn cấp kinh phí thực hiện</b>				
- Trong nước	31	Triệu đồng	X	
- Nước ngoài	32	Triệu đồng	X	
<b>4. Số đoàn vào về KH&amp;CN</b>	33	Đoàn		<b>0</b>
<b>4.1. Chia theo nước cử đến nghiên cứu</b>				
- ...	34	Đoàn		X
- ...	35	Đoàn		X
<b>4.2. Chia theo nguồn cấp kinh phí thực hiện</b>				
- Trong nước	36	Triệu đồng	X	
- Nước ngoài	37	Triệu đồng	X	

**Người lập biểu**  
(ký, ghi rõ họ tên)

**Người kiểm tra biểu**  
(ký, ghi rõ họ tên)

Quảng Ngãi, ngày 19 tháng 3 năm 2020  
**Thủ trưởng đơn vị**  
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

**Nguyễn Thị Xuân Duyên**

**Phạm Văn Túc**

**Phạm Minh Đức**

**Biểu 06/KHCN-CG**  
 Ban hành kèm theo Thông tư số  
 15/2018/TT-BKHCN ngày 15 tháng 11  
 năm 2018  
 Ngày nhận báo cáo: Ngày 15/02 năm sau

**CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ**  
 (Từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 năm 2019)

- Đơn vị báo cáo:  
 Sở Y tế Quảng Ngãi  
 - Đơn vị nhận báo cáo:  
 Cục Thông tin KH&CN quốc gia

	Mã số	Đơn vị tính	Tổng số
A	B	C	1
<b>1. Số hợp đồng chuyển giao công nghệ đã được đăng ký</b>	01	Hợp đồng	<b>0</b>
<b>2. Số hợp đồng chuyển giao công nghệ đã được cấp phép</b>	02	Hợp đồng	<b>0</b>
<b>3. Số hợp đồng chuyển giao công nghệ được thực hiện</b>	03	Hợp đồng	<b>0</b>
<b>3.1. Chia theo ngành kinh tế (*)</b>			
- ....	04	Hợp đồng	
- ....	05	Hợp đồng	
<b>3.2. Chia theo loại hình kinh tế</b>			
- Nhà nước	06	Hợp đồng	
- Ngoài nhà nước	07	Hợp đồng	
- Có vốn đầu tư nước ngoài	08	Hợp đồng	
<b>3.3. Chia theo hình thức chuyển giao</b>			
- Chuyển giao công nghệ độc lập	09	Hợp đồng	
- Phần chuyển giao công nghệ trong dự án đầu tư	10	Hợp đồng	
- Góp vốn bằng công nghệ/nhượng quyền thương mại/chuyển giao quyền đối với các đối tượng sở hữu trí tuệ/mua bán máy móc, thiết bị đi kèm đối tượng công nghệ chuyển giao	11		
- Hình thức khác	12	Hợp đồng	

<b>4. Tổng giá trị hợp đồng chuyển giao công nghệ</b>	13	Triệu đồng	<b>0</b>
<b>4.1. Chia theo ngành kinh tế</b>			
- ....	14	Triệu đồng	
- ....	15	Triệu đồng	
<b>4.2. Chia theo loại hình kinh tế</b>			
- Nhà nước	16	Triệu đồng	
- Ngoài nhà nước	17	Triệu đồng	
- Có vốn đầu tư nước ngoài	18	Triệu đồng	
<b>4.3. Chia theo hình thức chuyển giao</b>			
- Chuyển giao công nghệ độc lập	19	Triệu đồng	
- Phần chuyển giao công nghệ trong dự án đầu tư	20	Triệu đồng	
- Góp vốn bằng công nghệ/nhượng quyền thương mại/chuyển giao quyền đối với các đối tượng sở hữu trí tuệ/mua bán máy móc, thiết bị đi kèm đối tượng công nghệ chuyển giao	21		
- Hình thức khác	22	Triệu đồng	
<b>4.4. Chia theo nguồn cấp kinh phí</b>			
- Nhà nước	23	Triệu đồng	
- Ngoài nhà nước	24	Triệu đồng	
- Có vốn đầu tư nước ngoài	25	Triệu đồng	
<b>5. Số dự án đầu tư được thẩm định công nghệ</b>	26	Dự án	<b>0</b>
<b>5.1. Chia theo ngành kinh tế</b>			
- ....	27	Dự án	
- ....	28	Dự án	
<b>5.2. Chia theo loại hình kinh tế</b>			

- Nhà nước	29	<i>Dự án</i>	
- Ngoài nhà nước	30	<i>Dự án</i>	
- Có vốn đầu tư nước ngoài	31	<i>Dự án</i>	
<b>5.3. Chia theo nước đầu tư</b>			
- ....	32	<i>Dự án</i>	
- ....	33	<i>Dự án</i>	

\* Ghi theo cấp 1 của bảng Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg về Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

**Người lập biểu**  
(ký, ghi rõ họ tên)

**Người kiểm tra biểu**  
(ký, ghi rõ họ tên)

Quảng Ngãi, ngày 19 tháng 3 năm 2020

**Thủ trưởng đơn vị**  
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

**Nguyễn Thị Xuân Duyên**

**Phạm Văn Túc**

**Phạm Minh Đức**

